

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 03 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000013 ngày 05 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 8 năm 2001, lần thứ 4 ngày 8 tháng 11 năm 2006 về việc thay đổi vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 2 ngày 12 tháng 4 năm 2005 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 3 ngày 18 tháng 5 năm 2005 về việc thành lập chi nhánh.
- Đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 5 ngày 12 tháng 10 năm 2009 về việc thay đổi vốn điều lệ và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6)	6.523.010.000	5,93
Cổ đông khác	103.455.490.000	94,07
Cộng	109.978.500.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1K, Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (0650)3571617 - 3750650
Fax : (0650)3751628
E-mail : 620company@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3700364079

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : 111A (lầu 14) Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08)62917343
Fax : (08)62917344

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành công trình với tổng số tiền là 48 tỷ VND làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tháng 10 năm 2009, Chi nhánh Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới Long An đã giải thể theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT-BT620 ngày 14 tháng 07 năm 2009 của Hội đồng quản trị và Thông báo số 321/TB-ĐKKD ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 34).

Trong năm, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2008 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Số tiền (VND)
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.841.332.374
Trích quỹ đầu tư phát triển	12.521.060.145
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	1.104.799.426
Trích quỹ khen thưởng	2.431.340.270
Trích quỹ phúc lợi	2.431.340.270
Chi trả cổ tức	9.898.065.000

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng	Chủ tịch	08 tháng 04 năm 2006	-
Ông Trần Khắc Lợi	Phó Chủ tịch	08 tháng 04 năm 2006	30 tháng 09 năm 2009
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	30 tháng 09 năm 2009	-
Ông Trần Văn Ngọc	Ủy viên thường trực	31 tháng 03 năm 2007	01 tháng 01 năm 2009
Bà Huỳnh Thị Thanh Hà	Ủy viên	08 tháng 04 năm 2006	30 tháng 09 năm 2009
Ông Nguyễn Băng Tâm	Ủy viên	08 tháng 04 năm 2006	30 tháng 09 năm 2009
Ông Vũ Hữu Điền	Ủy viên	08 tháng 04 năm 2006	10 tháng 07 năm 2009
Ông Đặng Trung Thành	Ủy viên	08 tháng 04 năm 2006	01 tháng 01 năm 2009
Ông Nguyễn Trung Hậu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Hà Đức Bình	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2009	-
Ông Kiều Hữu Dũng	Ủy viên	10 tháng 07 năm 2009	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Diệp Vĩnh Bình	Trưởng Ban	02 tháng 04 năm 2009	-
Bà Khương Thị Thanh	Ủy viên	31 tháng 03 năm 2007	02 tháng 04 năm 2009
Ông Huỳnh Văn Thành	Ủy viên	08 tháng 04 năm 2006	02 tháng 04 năm 2009
Bà Phạm Lê Vân Anh	Ủy viên	02 tháng 04 năm 2009	10 tháng 07 năm 2009
Ông Lê Băng Sơn	Ủy viên	02 tháng 04 năm 2009	10 tháng 07 năm 2009
Ông Phạm Ngọc Bích	Ủy viên	30 tháng 09 năm 2009	-
Ông Lâm Chí Trung	Ủy viên	30 tháng 09 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hùng	Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	30 tháng 09 năm 2009
Ông Nguyễn Trung Hậu	Tổng Giám đốc	30 tháng 09 năm 2009	-
Ông Trần Khắc Lợi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Phạm Đình Nhật Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 02 năm 2001	-
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 07 năm 2004	-
Ông Nguyễn Trung Hậu	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 07 năm 2009	30 tháng 09 năm 2009

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2010.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

KÍNH GỬI: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 12 tháng 3 năm 2010, từ trang 08 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác mà Công ty đang đầu tư (xem thuyết minh V.15; V.16) nên chúng tôi không thể xem xét mức độ tổn thất (nếu có) của các khoản đầu tư này tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Chúng tôi xem xét mức độ tổn thất (nếu có) của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác mà công ty đang đầu tư dựa vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán hoặc đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác (xem thuyết minh V.16).

Các vấn đề chưa thống nhất

Như đã trình bày ở thuyết minh VII.2 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, năm nay Công ty đã thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận giá vốn liên quan đến các công trình xây dựng và phương pháp trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Tuy nhiên, Công ty chưa áp dụng hồi tố chính sách này theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý đến người đọc Báo cáo tài chính rằng, theo sự ủy quyền của Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6, Công ty đã tham gia góp vốn vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu với số tiền 29.373.968.268 VND (thuyết minh V.13). Tại thời

điểm kiểm toán, Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo qui định để xác nhận tư cách thành viên của Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bảng tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2010.

Võ Thành Công - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1033/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		366,398,270,242	416,003,781,053
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31,769,663,160	9,771,532,123
1. Tiền	111		2,269,663,160	8,271,532,123
2. Các khoản tương đương tiền	112		29,500,000,000	1,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	7,719,332,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10,000,000,000	17,160,052,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(9,440,720,000)
III. Các khoản phải thu	130		244,999,136,972	258,263,875,250
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	244,434,443,891	156,103,339,973
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	14,674,146,479	2,275,463,672
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	3,805,287,283	108,372,843,524
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(17,914,740,681)	(8,487,771,919)
IV. Hàng tồn kho	140		77,841,765,205	139,132,510,815
1. Hàng tồn kho	141	V.7	81,650,575,169	139,132,510,815
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3,808,809,964)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,787,704,905	1,116,530,865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,787,704,905	1,116,530,865

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		301,529,395,057	234,287,259,967
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	210		81,112,250,354	87,408,061,485
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	67,009,406,217	60,895,412,696
<i>Nguyên giá</i>	222		163,242,677,666	141,387,712,552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96,233,271,449)	(80,492,299,856)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	-	5,082,670,156
<i>Nguyên giá</i>	225		-	8,717,457,122
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(3,634,786,966)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	14,102,844,137	21,429,978,633
III. Bất động sản đầu tư	240		9,704,396,450	-
<i>Nguyên giá</i>	241	V.13	9,704,396,450	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		207,509,591,874	145,771,841,693
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	95,110,538,009	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	69,715,459,665	87,770,585,848
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	73,639,360,000	84,987,970,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.17	(30,955,765,800)	(26,986,714,155)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,203,156,379	1,107,356,789
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	95,848,928
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	3,190,156,379	466,706,291
3. Tài sản dài hạn khác	268		13,000,000	544,801,570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		667,927,665,299	650,291,041,020

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		273,388,614,700	321,406,601,009
I. Nợ ngắn hạn	310		227,517,309,892	238,013,233,625
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	57,467,124,291	85,226,808,029
2. Phải trả người bán	312	V.20	49,479,806,731	57,440,886,996
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	63,878,453,036	34,925,800,778
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	24,844,047,876	4,716,955,032
5. Phải trả người lao động	315	V.23	30,524,084,200	23,484,552,549
6. Chi phí phải trả	316		41,451,978	41,605,688
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	1,282,341,780	32,176,624,553
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	320		45,871,304,808	83,393,367,384
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	-	83,393,367,384
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.12	7,334,366,008	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.26	38,536,938,800	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		394,539,050,599	328,884,440,011
I. Vốn chủ sở hữu	410		381,105,372,810	317,578,518,732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	109,978,500,000	109,978,500,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	122,689,948,000	122,689,948,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	14,512,106	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	62,517,648,081	49,996,587,936
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	6,696,328,362	4,854,995,988
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.27	(205,357,543)	(636,156,968)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	79,413,793,804	30,694,643,776
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		13,433,677,789	11,305,921,279
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.28	13,433,677,789	11,305,921,279
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		667,927,665,299	650,291,041,020

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.29	5,574,755,385	4,879,966,985
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		15,052.00	15,183.99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	748,804,471,321	844,215,492,055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	-	36,703,333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	748,804,471,321	844,178,788,722
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	612,405,637,221	738,583,135,857
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136,398,834,100	105,595,652,865
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19,047,278,547	10,657,681,914
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11,391,338,041	44,731,461,871
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,727,795,099	11,462,288,921
8. Chi phí bán hàng	24		913,814,085	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	38,219,815,148	24,637,857,840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104,921,145,373	46,884,015,068
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,452,153,534	2,131,090,986
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,343,440,934	1,761,706,420
13. Lợi nhuận khác	40		108,712,600	369,384,566
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		105,029,857,973	47,253,399,634
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	28,806,220,548	10,426,752,150
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	(2,723,450,088)	707,905,214
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>78,947,087,513</u>	<u>36,118,742,270</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>7,178</u>	<u>3,284</u>

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		105,029,857,973	47,253,399,634
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10,V.11	12,786,303,991	12,125,105,001
- Các khoản dự phòng	03		7,764,110,371	29,605,088,414
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	747,153,872
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.10,VI.3	(18,627,236,126)	(10,190,739,998)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3,727,795,099	11,462,288,921
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		110,680,831,308	91,002,295,844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,982,337,703)	(67,409,089,553)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		57,481,935,646	86,745,439,303
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		72,912,805,512	(122,282,569,515)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		95,848,928	76,619,601
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(3,727,795,099)	(11,462,288,921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(14,322,923,693)	(11,969,664,471)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		177,993,100	166,527,421
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(6,651,287,744)	(5,774,080,029)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		208,665,070,255	(40,906,810,320)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16,602,612,584)	(19,453,901,420)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(10,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,000,000,000	5,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(79,683,248,009)	(22,003,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		33,417,894,456	4,262,118,095
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2,653,949,539	9,690,504,626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65,214,016,598)	(22,504,278,699)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	116,425,824,039	138,231,207,317
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.25	(225,961,881,044)	(81,007,522,132)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.19	(1,769,022,501)	(3,475,743,419)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(10,133,107,569)	(17,772,859,801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121,438,187,075)	35,975,081,965
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		22,012,866,582	(27,436,007,054)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	9,771,532,123	37,201,783,090
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(14,735,545)	5,756,087
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	31,769,663,160	9,771,532,123

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..); Sản xuất các loại vật liệu xây dựng; Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng; Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, phụ tùng ngành xây dựng.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành công trình với tổng số tiền là 48 tỷ VND làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tháng 10 năm 2009, Chi nhánh Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới Long An đã giải thể theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT-BT620 ngày 14 tháng 07 năm 2009 của Hội đồng quản trị và Thông báo số 321/TB-ĐKKD ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm tài chính thứ 9 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá vốn của các lô đất được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức trả trước tiền thuê đất cho suốt thời gian thuê, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên giá trị khối lượng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
31/12/2009 : 17.941 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động xây dựng được căn cứ vào Biên bản bàn giao hoàn thành hạng mục công trình, Biên bản thanh lý hợp đồng và việc phát hành hóa đơn cho khách hàng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	204.272.000	4.124.745.301
Tiền gửi ngân hàng	2.065.391.160	4.146.786.822
Các khoản tương đương tiền (*)	29.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	<u>31.769.663.160</u>	<u>9.771.532.123</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	10.000.000.000	-
Cổ phiếu	-	16.285.052.000
Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	875.000.000
Cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>17.160.052.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động xây lắp	78.221.854.704	63.582.169.581
Sản phẩm bê tông	121.628.782.966	62.252.801.541
Hoạt động thương mại	44.583.806.221	30.268.368.851
Cộng	<u>244.434.443.891</u>	<u>156.103.339.973</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp hoạt động xây lắp	13.673.902.536	2.055.395.161
Nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	445.163.754	97.557.699
Các nhà cung cấp khác	555.080.189	122.510.812
Cộng	<u>14.674.146.479</u>	<u>2.275.463.672</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần BOT Cầu Phú Cường	-	94.139.611.000
Công ty cổ phần Bảo Hiểm Viễn Đông	-	10.000.000.000
Công ty cổ phần Bê tông Ly Tâm 620	1.500.000.000	1.500.000.000
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	1.059.109.133
Công ty cổ phần xây dựng 620- Bến Tre	2.296.504.179	1.239.543.333
Các khoản khác	8.783.104	434.580.058
Cộng	<u>3.805.287.283</u>	<u>108.372.843.524</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	17.941.740.681	8.487.771.919
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	3.082.990.168	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.690.042.915	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	8.487.771.919
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	13.168.707.598	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>17.941.740.681</u>	<u>8.487.771.919</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.325.496.568	26.518.810.694
Công cụ, dụng cụ	350.442.520	350.756.210
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	30.013.097.841	89.630.182.508
Thành phẩm	26.666.300.145	22.632.761.403
Hàng hóa	1.295.238.095	-
Cộng	<u>81.650.575.169</u>	<u>139.132.510.815</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.152.724.424	-
Thành phẩm	2.656.085.540	-
Cộng	<u>3.808.809.964</u>	<u>-</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.736.644.905	1.076.970.865
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.060.000	39.560.000
Cộng	<u>1.787.704.905</u>	<u>1.116.530.865</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.025.881.648	62.055.240.580	56.348.947.056	1.957.643.268	141.387.712.552
Mua sắm mới	-	4.521.531.296	1.328.824.190	222.639.512	6.072.994.998
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.013.926.632	-	-	-	8.013.926.632
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	8.855.886.122	-	8.855.886.122
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.984.000)	-	-	(14.984.000)
Chuyển góp vốn	-	(650.789.639)	-	(422.068.999)	(1.072.858.638)
Số cuối năm	<u>29.039.808.280</u>	<u>65.910.998.237</u>	<u>66.533.657.368</u>	<u>1.758.213.781</u>	<u>163.242.677.666</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.350.631.882	28.736.914.110	18.180.754.894	1.535.574.269	50.803.875.155
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.623.775.886	41.054.293.065	32.864.603.381	1.949.627.524	80.492.299.856
Khấu hao trong năm	1.209.587.065	4.724.193.663	6.055.945.786	14.463.368	12.004.189.882
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	-	4.416.901.075	-	4.416.901.075
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.748.131)	-	-	(1.748.131)
Chuyển góp vốn	-	(256.302.234)	-	(422.068.999)	(678.371.233)
Số cuối năm	<u>5.833.362.951</u>	<u>45.520.436.363</u>	<u>43.337.450.242</u>	<u>1.542.021.893</u>	<u>96.233.271.449</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.007.180.219	12.485.276.427	19.552.837.285	41.093.850	60.895.412.696
Số cuối năm	<u>16.402.105.762</u>	<u>21.000.947.515</u>	<u>23.484.343.675</u>	<u>8.015.744</u>	<u>67.009.406.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	8.717.457.122	3.634.786.966	5.082.670.156
Tăng trong năm	-	782.114.109	
Kết chuyển sang TSCĐ	(8.717.457.122)	(4.416.901.075)	
Số cuối năm	-	-	-

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến các Lô Bp-45; Bp-46 và Bp-47 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP.HCM.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<u>Chi phí</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	275.888.388	-	(275.888.388)	-
XDCB dở dang	21.429.978.633	686.792.136	(8.013.926.632)	-	14.102.844.137
<i>Công trình nhà xưởng giao thông nông thôn</i>	<i>9.976.628.805</i>	<i>686.792.136</i>	<i>(8.013.926.632)</i>		<i>2.649.494.309</i>
<i>Công trình nhà xưởng gia công cốt thép</i>	<i>1.547.251.667</i>				<i>1.547.251.667</i>
<i>Công trình mở rộng bãi đà</i>	<i>8.586.545.434</i>	-	-	-	<i>8.586.545.434</i>
<i>Công trình nhà nghỉ cán bộ công nhân viên</i>	<i>246.178.249</i>	-	-	-	<i>246.178.249</i>
<i>Công trình nhà xưởng cơ khí</i>	<i>1.073.374.478</i>	-	-	-	<i>1.073.374.478</i>
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	-	-	-
Cộng	21.429.978.633	962.680.524	(8.013.926.632)	(275.888.388)	14.102.844.137

14. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	60%	60%	690.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	100%	100%	59.420.538.009
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	59,48%	59,48%	35.000.000.000
Cộng			95.110.538.009

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giá phép	Thực góp	
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh (***)	20,83%	20,83%	12.500.000.000
Công ty cổ phần bê tông 620 - Long An (**)	38,10%	38,10%	16.000.000.000
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (*)	45,00%	45,00%	815.200.000
Công ty TNHH bê tông 620 Đồng Tâm (**)	24,75%	24,75%	4.950.000.000
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (*)	22,00%	22,00%	29.373.968.268
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (**)	30,00%	30,00%	5.776.291.397
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thời (*)	30,00%	30,00%	300.000.000
Cộng			69.715.459.665

(*) Chưa xem xét mức độ tổn thất do chưa có thông tin về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh.

(**) Xem xét mức độ tổn thất dựa vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

(***) Xem xét mức độ tổn thất dựa vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	46.977.360.000	46.985.970.000
<i>Công ty cổ phần Cảng Vĩnh Long (**)</i>	<i>3.060.000.000</i>	<i>3.060.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Đồng Tâm</i>	<i>30.500.000.000</i>	<i>30.500.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần trang trí đá Vĩnh Cửu</i>	<i>2.040.000.000</i>	<i>2.040.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần vật tư thiết bị & xây dựng công trình 624</i>	<i>4.680.000.000</i>	<i>4.680.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần xây dựng công trình 675 (**)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)</i>	<i>2.050.000.000</i>	<i>2.050.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần công trình giao thông 68</i>	<i>1.800.850.000</i>	<i>1.800.850.000</i>
<i>Công ty cổ phần công trình giao thông Tiền Giang</i>	-	271.320.000
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương</i>	<i>846.510.000</i>	<i>583.800.000</i>
Đầu tư trái phiếu	2.000.000	2.000.000
Đầu tư dài hạn khác	26.660.000.000	38.000.000.000
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm Phương Nam (*)</i>	<i>4.000.000.000</i>	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười (*)</i>	<i>1.500.000.000</i>	-
<i>Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ (*)</i>	<i>15.160.000.000</i>	<i>33.000.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển 620 Quảng Ngãi (*)</i>	<i>6.000.000.000</i>	-
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)</i>	-	<i>5.000.000.000</i>
Cộng	73.639.360.000	84.987.970.000

(*) Chưa xem xét mức độ tổn thất do chưa có thông tin về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh.

(**) Xem xét mức độ tổn thất dựa vào Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	466.706.292
Phát sinh trong năm	2.723.450.087
Số cuối năm	3.190.156.379

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.467.124.291	67.524.076.301
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam^(a)</i>	27.993.281.811	51.398.447.830
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh^(b)</i>	23.332.846.765	16.125.628.471
<i>Ngân hàng TNHH Indovina^(c)</i>	6.140.995.715	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	-	15.933.709.227
<i>Vay vốn ODA Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6</i>	-	3.594.471.227
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Thuận</i>	-	2.640.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lê Lợi, TP. Hồ Chí Minh</i>	-	9.699.238.000
<i>Ngân hàng VID Public - Chi nhánh Bình Dương</i>	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)	-	1.769.022.501
Cộng	57.467.124.291	85.226.808.029

^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

^(b) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay mở tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

^(c) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	67.524.076.301	116.425.824.039	152.028.384	(126.634.804.433)	57.467.124.291
Vay dài hạn đến hạn trả	15.933.709.227	-	-	(15.933.709.227)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.769.022.501	-	-	(1.769.022.501)	-
Cộng	85.226.808.029	116.425.824.039	152.028.384	(144.337.536.161)	57.467.124.291

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cáp	4.422.224.882	7.894.555.532
Nhà cung cấp cát	334.137.820	502.119.910
Nhà cung cấp đá	3.090.421.543	1.931.321.263
Nhà cung cấp sắt	13.103.528.291	3.796.983.829
Nhà cung cấp phụ gia	2.478.871.252	9.342.537.755
Nhà cung cấp xi măng	6.718.709.250	12.681.144.668
Nhà cung cấp khác	19.331.913.693	21.292.224.039
Cộng	<u>49.479.806.731</u>	<u>57.440.886.996</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	38.634.855.487	20.750.542.505
Các khoản trả trước khác	19.396.822.793	11.582.440.666
Doanh thu chưa thực hiện	5.846.774.756	2.592.817.607
Cộng	<u>63.878.453.036</u>	<u>34.925.800.778</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.829.466.417	18.928.158.741	(12.710.874.801)	10.046.750.357
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	324.543.041	2.776.532.715	(3.025.230.363)	75.845.393
Thuế xuất, nhập khẩu	189.054.198	1.608.584.107	(1.753.456.523)	44.181.782
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.192.965	28.806.220.548	(14.322.923.693)	14.508.489.820
Thuế thu nhập cá nhân	348.698.411	519.849.629	(699.767.516)	168.780.524
Các loại thuế khác	-	70.346.737	(70.346.737)	-
Cộng	<u>4.716.955.032</u>	<u>52.709.692.477</u>	<u>(32.582.599.633)</u>	<u>24.844.047.876</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Sản phẩm bê tông	5%
- Các công trình xây dựng	10%
- Dịch vụ vận chuyển	5%
- Hàng hóa khác	5%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.029.857.973	47.253.399.634
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	13.656.592.155	1.212.296.414
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.461.567.936)	(10.468.629.468)
Tổng thu nhập chịu thuế	115.224.882.192	37.997.066.580
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.806.220.548	10.639.178.642

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên Công ty	30.524.084.200	23.409.695.903
Phải trả công nhân viên Chi nhánh Long An	-	74.856.646
Cộng	30.524.084.200	23.484.552.549

24. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	313.197.851	1.538.268.526
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	249.927.200	484.969.796
Phải trả về cổ phần hóa	-	3.354.513.760
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6	-	365.787.715
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Tân Phú Thọ	-	22.300.000.000
Công ty cổ phần tư vấn - thương mại - dịch vụ địa ốc Hoàng Quân MêKông	-	3.577.511.388
Các khoản phải trả khác	719.216.729	555.573.368
Cộng	1.282.341.780	32.176.624.553

25. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	81.800.373.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Thuận ^(a)	-	19.940.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lê Lợi, TP. Hồ Chí Minh ^(b)	-	61.860.373.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	1.592.994.384
Vay vốn ODA Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 ^(c)	-	1.592.994.384
Cộng	-	83.393.367.384

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Thuận để đầu tư dự án cầu Phú Cường. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp. Đây là khoản vay hộ Công ty BOT cầu Phú Cường theo Biên Bản thỏa thuận số 01/BT620-PC ngày 25 tháng 01 năm 2004.

(b) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lê Lợi, TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dự án cầu Phú Cường. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp. Đây là khoản vay hộ Công ty BOT cầu Phú Cường theo Biên Bản thỏa thuận số 02/BT620-PC ngày 06 tháng 06 năm 2007.

(c) Khoản vay Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 để đầu tư máy móc, thiết bị.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	81.800.373.000	-	(81.800.373.000)	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.592.994.384	-	(1.592.994.384)	-
Cộng	83.393.367.384	-	(83.393.367.384)	-

26. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi phí bảo hành sản phẩm, công trình xây lắp

27. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 34.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	10.133.107.596
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	10.133.107.596

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.997.850	10.997.850
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.997.850	10.997.850
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.997.850	10.997.850
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.997.850	10.997.850
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.997.850	10.997.850
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Tăng khác	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	9.237.516.750	2.431.340.270	2.753.858.018	(3.581.408.018)	10.841.307.020
Quỹ phúc lợi	2.068.404.529	2.431.340.270	177.993.100	(2.085.367.130)	2.592.370.769
Cộng	11.305.921.279	4.862.680.540	2.931.851.118	(5.666.775.148)	13.433.677.789

29. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	4.879.966.985
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	694.788.400
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong năm	-
Số cuối năm	5.574.755.385

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	748.804.471.321	844.215.492.055
<i>Doanh thu hoạt động xây dựng</i>	242.370.716.568	339.350.714.362
<i>Doanh thu sản phẩm bê tông</i>	417.390.917.790	348.049.336.815
<i>Doanh thu vận chuyển lao phóng</i>	28.103.596.147	16.912.642.258
<i>Doanh thu đóng, ép cọc</i>	20.994.329.258	83.132.594.722
<i>Doanh thu khác</i>	39.944.911.558	56.770.203.898
khoản giảm trừ doanh thu:	-	(36.703.333)
<i>âm giá hàng bán</i>	-	(36.703.333)
Doanh thu thuần	748.804.471.321	844.178.788.722

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	252.490.645.640	322.340.282.713
Giá vốn của sản phẩm bê tông	280.644.545.025	259.078.453.577
Giá vốn vận chuyển lao phóng	22.652.459.091	12.732.677.440
Giá vốn đóng, ép cọc	18.584.893.486	52.335.896.334
Giá vốn khác	34.224.284.015	92.095.825.793
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.808.809.964	-
Cộng	612.405.637.221	738.583.135.857

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
iền gửi không kỳ hạn	406.806.552	557.616.396
iền gửi có kỳ hạn	1.758.991.539	794.413.518
lãi, lợi nhuận được chia	824.958.000	7.869.009.203
chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	313.804.805
chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.756.087
hành lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	15.986.522.456	1.117.081.905
đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	70.000.000	-
Cộng	19.047.278.547	10.657.681.914

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.727.795.099	11.462.288.921
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.120.765.800	28.782.434.155
Hoàn nhập dự phòng	(1.216.834.155)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.719.630.316	3.715.828.836
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	752.909.959
Chi phí tài chính khác	39.980.981	18.000.000
Cộng	<u>11.391.338.041</u>	<u>44.731.461.871</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.361.911.793	1.403.908.649
Chi phí nhân công	11.811.596.356	7.460.912.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.587.848	525.202.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	394.440.369	399.635.830
Chi phí khác	24.145.278.782	14.848.198.166
Cộng	<u>38.219.815.148</u>	<u>24.637.857.840</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định mang đi góp đầu tư vào công ty liên kết	295.512.595	410.235.372
Hoàn nhập trích lập bảo hành công trình Quốc lộ 63	-	526.449.537
Thanh lý công cụ dụng cụ	33.249.700	197.937.143
Thu hồi công nợ đã xử lý	-	329.518.116
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.062.203.942	-
Các khoản thu nhập khác	61.187.297	666.950.818
Cộng	<u>1.452.153.534</u>	<u>2.131.090.986</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Điều chỉnh khối lượng công trình theo quyết toán	1.026.329.377	1.268.479.447
Phạt nợ quá hạn, lãi chậm nộp	77.284.743	110.032.734
Các khoản chi phí khác	239.826.814	383.194.239
Cộng	<u>1.343.440.934</u>	<u>1.761.706.420</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	78.947.087.513	36.118.742.270
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	78.947.087.513	36.118.742.270
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.997.850	10.997.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>7.178</u>	<u>3.284</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	345.567.458.891	463.656.361.647
Chi phí nhân công	54.733.938.687	43.585.422.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.786.957.971	12.055.012.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.530.360.979	1.620.360.454
Chi phí khác	146.782.739.647	135.916.935.421
Cộng	<u>561.401.456.175</u>	<u>656.834.092.415</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.437.696.991	1.006.404.645
Thu nhập Hội đồng quản trị	716.000.000	750.400.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	26.145.532	16.219.584
Tiền thưởng	967.266.693	450.020.355
Cộng	<u>4.147.109.216</u>	<u>2.223.044.584</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH cảng Bình Minh	Công ty liên kết chiếm 30,00% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bê tông 620 - Bình Minh	Công ty liên kết chiếm 20,83% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết chiếm 45,00% vốn điều lệ
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết chiếm 30,00% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bê tông 620 - Long An	Công ty liên kết chiếm 38,10% vốn điều lệ
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết chiếm 22,00% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu hai Mươi	Đầu tư dài hạn khác chiếm 12,50% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Phương Nam	Đầu tư dài hạn khác chiếm 12,12% vốn điều lệ
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Công ty con chiếm 100,00% vốn điều lệ
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	Công ty con chiếm 60% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỜI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH cảng Bình Minh</i>		
Góp vốn cổ phần		900.000.000
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh</i>		
Gia công sản phẩm bê tông	8.930.350.770	20.300.966.836
Bán sản phẩm Bê tông	38.153.166.668	6.194.174.195
Cổ tức được chia năm	-	1.250.000.000
<i>Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre</i>		
Mua tài sản	440.000.000	-
Vay hộ	1.056.960.846	652.500.000
Bán sản phẩm	516.000.000	-
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Long An</i>		
Thuê xe, bán sản phẩm	2.208.637.571	1.198.800.000
Cổ tức được chia	-	2.140.800.000
Gia công sản phẩm đầm	9.759.109.578	28.940.840.862
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620</i>		
Thuê gia công, mua cọc ống	15.096.350.820	6.060.750.980
Bán sản phẩm bê tông, vật tư	42.235.353.214	100.444.807.408
Cổ tức được chia	-	1.500.000.000
<i>Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười</i>		
Bán sản phẩm bê tông	-	9.330.615.330
Mua Bê tông tươi, thuê gia công lắp đặt	-	1.439.010.000
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm Phương Nam</i>		
Bán sản phẩm bê tông	-	808.890.000
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6</i>		
Cổ tức phải trả	-	913.221.400
Thi công công trình	1.429.017.892	2.859.643.999
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu</i>		
Bán vật tư	84.067.388	-
Thuê giám sát thí nghiệm	1.917.208.953	-
Góp vốn bằng tài sản	690.000.000	-
<i>Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu</i>		
Thi công công trình	37.115.639.852	15.061.847.359
Góp vốn bằng bù trừ khối lượng thi công	11.695.734.749	17.678.233.519

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre</i>		
Bán sản phẩm Bê tông	1.863.349.402	2.198.664.402
Vay hộ	2.109.460.846	1.050.500.000
Cổ tức được chia	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
<i>Công ty TNHH công trình giao thông Châu Thời</i>		
Cước vận chuyển đầm	50.000.000	50.000.000
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Bình Minh</i>		
Bán sản phẩm bê tông	9.029.733.334	473.667.168

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620</i>		
Bán sản phẩm bê tông	44.583.806.221	30.268.368.851
Cổ tức được chia	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu</i>		
Thi công công trình	9.733.602.654	(5.827.096.931)
<i>Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn sáu hai mươi</i>		
Bán sản phẩm bê tông	500.000.000	3.127.844.930
Cổ tức được chia	-	180.000.000
<i>Công ty cổ phần bê tông ly tâm Phương Nam</i>		
Bán sản phẩm bê tông	1.765.710.000	1.765.710.000
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6</i>		
Thi công công trình	1.399.705.388	2.335.987.851
Cộng nợ phải thu	<u>72.722.411.178</u>	<u>37.310.689.604</u>
<i>Công ty TNHH Cảng Bình Minh</i>		
Cho thuê bến	429.412.065	429.412.065
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Long An</i>		
Chi phí gia công đầm	308.910.394	6.584.072.281
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6</i>		
Tiền bán cổ phần nhà nước phải trả	-	365.787.715
Cổ tức còn phải trả	-	239.754.996
Các quỹ trước cổ phần hóa	-	3.354.513.760
Cộng nợ phải trả	<u>738.322.459</u>	<u>10.973.540.817</u>

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2009 Công ty thay đổi chính phương pháp ghi nhận giá vốn liên quan đến các công trình xây dựng từ 94% giá trị doanh thu ghi nhận trong năm sang ghi nhận hết chi phí thực tế phát sinh theo từng giai đoạn khi nghiệm thu. Riêng công trình cầu Cần Thơ ghi nhận giá vốn theo tỷ lệ doanh thu còn lại của dự án. Việc thay đổi phương pháp ghi nhận giá vốn này làm cho giá vốn hàng bán năm nay tăng 12.917.022.983 VND so với việc áp dụng ghi nhận giá vốn các công trình như năm trước.

Năm nay, Công ty cũng thay đổi việc trích dự phòng trợ cấp thôi việc từ 3% quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính sang áp dụng mức trích nửa tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm làm việc theo qui định tại khoản 1 điều 42 Luật Lao động. Việc thay đổi phương pháp trích dự phòng trợ cấp thôi việc này làm cho chi phí quản lý năm nay tăng 6.872.398.774 VND so với việc áp dụng trích dự phòng trợ cấp thôi việc như năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1A cũ, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

Bình dương, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Hồ Thị Ngọc Tuyết
Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 CHÂU THỚI

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	109,978,500,000	122,689,948,000	-	38,787,937,707	2,986,887,616	-	28,536,778,935	302,980,052,258
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	36,118,742,270	36,118,742,270
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(15,396,990,000)	(15,396,990,000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	11,208,650,229	1,868,108,372	1,120,865,023	(18,563,887,429)	(4,366,263,805)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(1,724,809,000)	-	(1,724,809,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(32,212,991)	-	(32,212,991)
Số dư cuối năm trước	109,978,500,000	122,689,948,000	-	49,996,587,936	4,854,995,988	(636,156,968)	30,694,643,776	317,578,518,732
Số dư đầu năm nay	109,978,500,000	122,689,948,000	-	49,996,587,936	4,854,995,988	(636,156,968)	30,694,643,776	317,578,518,732
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	78,947,087,513	78,947,087,513
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(9,898,065,000)	(9,898,065,000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	12,521,060,145	1,841,332,374	1,104,799,426	(20,329,872,485)	(4,862,680,540)
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(674,000,001)	-	(674,000,001)
Tăng khác	-	-	14,512,106	-	-	-	-	14,512,106
Số dư cuối năm nay	109,978,500,000	122,689,948,000	14,512,106	62,517,648,081	6,696,328,362	(205,357,543)	79,413,793,804	381,105,372,810

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Hồ Thị Ngọc Tuyết
 Người lập biểu

Huỳnh Thị Thanh Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Hậu
 Tổng Giám đốc